



ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 2 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 28/08/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.CK2.027

PHẦN I. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Một bể lỏng ở nhà máy hoá chất là một bồn hở thông với khí quyển, chứa hai lớp chất lỏng không trộn lẫn: dung môi nhẹ ở trên (khối lượng riêng $\rho_1 = 700 \text{ kg/m}^3$) và dung dịch muối đặc ở dưới ($\rho_2 = 1000 \text{ kg/m}^3$). Mặt phân cách hai lớp ở độ sâu H bị che, không nhìn thấy. Độ sâu z tính từ mặt thoáng, hướng **xuống**. Năm đầu dò áp suất đặt ở năm độ sâu, đo **áp suất dư** so với khí quyển:

Đầu dò	Độ sâu z (cm)	Số đọc (kPa)
(1)	22	1,73
(2)	38	2,85
(3)	60	5,76
(4)	80	6,63
(5)	97	8,33

Biết chắc mặt phân cách nằm **giữa** đầu dò (2) và đầu dò (3). Cả năm đầu dò cùng mang một **lệch zero chung** b chưa biết, với $|b| \leq 0,3 \text{ kPa}$ ngoài ra **đúng một** đầu dò còn mang thêm một lỗi riêng có độ lớn từ 0,2 đến 1,5 kPa. Mọi số đọc đã được làm tròn đến 0,01 kPa. Lấy $g = 10 \text{ m/s}^2$. Hỏi mặt phân cách ở độ sâu bao nhiêu xentimét? Làm tròn đến xentimét.

Câu 2. Vật 19 kg có vận tốc 19 m/s. Tính động lượng của vật.

Câu 3. Lấy $g = 10 \text{ m/s}^2$. Vật 12 kg trượt từ độ cao 23 m, tới chân dốc còn 56% cơ năng. Tính độ lớn công của lực ma sát (làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 4. Vật 27 kg đặt trên sàn ngang, $g = 10 \text{ m/s}^2$. Tính áp lực lên sàn.

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 5. Phần còn lại nặng 292 kg. Tính độ lớn vận tốc nó thu được (làm tròn đến hàng phần trăm).

.....

.....

.....

Câu 6. Cho bốn phát biểu về năng lượng: (1) Năng lượng không tự sinh ra và không tự mất đi. (2) Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác. (3) Phần năng lượng hao phí biến mất khỏi vũ trụ. (4) Mọi thiết bị thực đều có phần năng lượng hao phí. Có bao nhiêu phát biểu đúng?

.....

.....

.....